

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thanh H**, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nơi ở hiện nay: ấp A, xã A1, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn M**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phan Thanh H - trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh chị chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh M ham mê cờ bạc, không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho gia đình, con cái, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh M vẫn không sửa đổi. Vì thế, anh chị thường xuyên to tiếng, cãi vã. Năm 2019, anh M có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhưng chị không đồng ý ly hôn do còn nhập nhằng về tài sản chung. Sau đó, anh M rút đơn khởi kiện lại, không liên lạc với chị nữa và cả hai sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung tên Huỳnh Văn S, sinh ngày 03/6/2006 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 03/7/2015. Hiện cả hai con chung đều đang sống cùng chị. Chị H yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị H trình bày anh chị không có nợ chung.

* Bị đơn – Anh Huỳnh Văn M – vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh M theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh M vẫn không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh M; Về con chung: Giao hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không xem xét do không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết; Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị H vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M, chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thanh H và anh Huỳnh Văn M tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2010. Quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình chung sống, do có mâu thuẫn nên cả anh M và chị H đều đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh chị đã không còn chung sống từ khoảng đầu năm 2019, anh M vắng mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú còn chị H thì hiện đã mang hai con chung về nhà mẹ ruột ở huyện Đ, tỉnh Long An sinh sống. Có thể thấy, chị H và anh M đã một thời gian dài không cùng chung sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không bảo đảm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh chị có hai con chung tên Huỳnh Văn S, sinh ngày 03/6/2006 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 03/7/2015. Xét thấy, chị H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu G trong khi anh M không có nơi cư trú ổn định. Vì thế, căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 179, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thanh H đối với anh Huỳnh Văn M. Chị Phan Thanh H được ly hôn với anh Huỳnh Văn M.

2. Về nuôi con chung: Chị Phan Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Huỳnh Văn S, sinh ngày 03/6/2006 và Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 03/7/2015. Anh Huỳnh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Phan Thanh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Huỳnh Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phan Thanh H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006558 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Phan Thanh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

